

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1448/TTr-STC ngày 23 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Quyết định này quy định giá bán lẻ nước sạch trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Các nội dung khác có liên quan đến giá nước sạch không nêu trong Quyết định này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18/6/2021 của Bộ Tài chính.

2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, đơn vị sản xuất, kinh doanh nước sạch; các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình (gọi chung là khách hàng) sử dụng nước sạch; các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan.

Điều 2. Quy định giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt

1. Giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt:

Số TT	Nhóm khách hàng sử dụng nước sạch sinh hoạt	Mức sử dụng (m³/đồng hồ/tháng)	Giá bán lẻ nước sạch (đồng/m³)		
			Đô thị, nông thôn	Khu vực Núi Cẩm	Khu vực Núi Sam, Núi Sập và các vùng núi tương tự
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
1	Hộ dân cư	Mức sử dụng đến 10m ³	5.200	16.500	8.200
		Từ trên 10m ³ đến 20m ³	6.500	16.500	8.200
		Từ trên 20 m ³ đến 30 m ³	7.700	16.500	8.200
		Trên 30 m ³	9.600	16.500	8.200
2	Hộ dân cư là hộ nghèo	Mức sử dụng đến 10m ³	4.000	10.700	5.800
		Từ trên 10 m ³ đến 20 m ³	5.200	16.500	8.200
		Từ trên 20 m ³ đến 30 m ³	6.500	16.500	8.200
		Trên 30 m ³	7.700	16.500	8.200
3	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; trường học, bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận)	Theo thực tế sử dụng	7.700	16.500	12.000
4	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	9.000	40.000	18.000
5	Tổ chức, cá nhân kinh doanh, dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	12.000	40.000	21.000

2. Giá bán lẻ nước sạch sinh hoạt tại khoản 1 Điều này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và chưa bao gồm phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

3. Đối với hộ nghèo quy định tại khoản 1 Điều này phải có giấy chứng nhận hộ nghèo theo xét duyệt của chính quyền địa phương tại thời điểm sử dụng nước sạch.

Điều 3. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn Công ty Cổ phần Điện nước An Giang, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn và các đơn vị cấp nước sạch thực hiện giá nước sạch tại Điều 1 Quyết định này, kiểm tra quá trình thực hiện giá nước sạch, kịp thời phát hiện những bất hợp lý để đề xuất bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2022 và thay thế Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các Sở, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện nước An Giang, Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Chủ tịch, và các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Công ty Cổ phần Điện nước An Giang;
- Trung tâm Nước sạch và VSMTNT;
- Báo An Giang, Đài PT-TH An Giang;
- Cổng thông tin điện tử An Giang;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, TT.CB -TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Minh Thúy